

Bản án số: 101/2024/HSST
Ngày 14/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH Q

- **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tuấn Anh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông **Trần Văn Nam**

2, Ông **Lưu Xuân Giới**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Mai Hương** - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q tham gia phiên tòa:** Ông **Hoàng Minh Công** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q, mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 97/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2024, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **PHẠM VĂN Q** (không có tên gọi khác); sinh ngày 29 tháng 9 năm 1988, tại thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Q; Nơi thường trú: tổ 3, khu C, phường K, thành phố Đ, tỉnh Q; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 06/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn T (đã chết); con bà Vũ Thị L, sinh năm 1962; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa.

- Nhân thân:

+ Ngày 02/5/2013, bị Tòa án nhân dân Huyện Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Q xử phạt 15 tháng tù về tội “**Trộm cắp tài sản**”.

+ Ngày 08/6/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Q xử phạt 15 tháng tù về tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”. Ngày 28/5/2021, chấp hành xong bản án.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 22/7/2024, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

Anh **Trần Quốc H**, sinh năm 1997; Nơi thường trú: khu V, phường M, thành phố Đ, tỉnh Q, Có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 2000; Nơi thường trú: khu V, phường M, thành phố Đ, tỉnh Q, Vắng mặt.

2. Ông **Phan Tiến D**, sinh năm 1970; Nơi thường trú: khu V, phường M, thành phố Đ, tỉnh Q, Vắng mặt.

3. Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1995; Nơi thường trú: thôn S, xã A, thành phố Đ, tỉnh Q, Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Văn Q và anh Trần Quốc H (sinh năm 1997; trú tại tổ 2, khu V, phường M, thành phố Đ, tỉnh Q) có quan hệ là bạn. Khoảng tháng 5 năm 2024, do cần tiền chi tiêu nên anh H hỏi mượn của Q 02 cánh cửa sắt nhà Q đem cầm cố để lấy tiền. Q đồng ý và tháo 02 cánh cửa sắt, rồi điều khiển xe mô tô chở anh H mang 02 cánh cửa sắt đi cầm cố. Sau đó Q nhiều lần yêu cầu anh H phải trả lại 02 cánh cửa sắt nhưng anh H chưa thực hiện. Khoảng 20 giờ ngày 20/7/2024, Q đi đến nhà anh H tiếp tục yêu cầu anh H trả lại cánh cửa sắt, thì anh H trả lời “*để hôm khác em rảnh thì em làm cho*”, rồi giữa Q và anh H xảy ra to tiếng, cãi chửi nhau. Lúc này, thấy ở góc tường nhà anh H có dựng 01 thanh kiếm bằng kim loại được dựng trong vỏ bao bằng gỗ. Q đi đến, dùng tay phải rút kiếm ra khỏi bao, giơ lên đe dọa anh H, rồi chém liên tiếp 02 – 03 nhát về phía anh H, anh H đưa tay trái lên đỡ, thì bị chém trúng phần cẳng tay. Thấy vậy chị Nguyễn Thị Thanh T (là vợ anh H) đã hô hoán kêu cứu. Q cầm theo thanh kiếm chạy ra ngoài đường và ném thanh kiếm vào khu vực vườn cây đối diện nhà anh H rồi bỏ đi. Mọi người đưa anh H đến Bệnh viện V - T cấp cứu. Ngày 22/7/2024, Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Đ (nay là thành phố Đ) đầu thú.

Cơ quan điều tra đã thu giữ tại phòng khách nhà anh Trần Quốc H: 01 (một) vỏ bao kiếm bằng gỗ, màu vàng kích thước (71x6)cm. Ngoài ra, phát hiện thu giữ tại khu vực vườn cây (cách nhà anh H 18m); 01 (một) thanh kiếm bằng kim loại, dài 87,5cm, bản rộng 4,5cm (phần lưỡi kiếm dài 64,5cm, một lưỡi sắc, đầu vát nhọn; phần cán bằng gỗ dài 22,7cm).

* Tại Kết luận giám định số: 656/KLTTCT-TTPY ngày 22/7/2024 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Q, kết luận thương tích của anh Trần Quốc H:

- 02 (hai) vết thương mặt sau cẳng tay trái (vết thương 1/3 trên mặt sau cẳng tay trái dài 12cm, vết mổ mở rộng xuống phía dưới dài 4,5cm; vết thương 1/3 dưới mặt sau cẳng tay trái dài 9cm, vết mổ mở rộng lên phía trên dài 4,5cm, xuống phía dưới dài 2cm;

- Gãy xương trụ vị trí 1/3 trên và 1/3 dưới;

- Mề đầu trên xương quay;

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 27% (hai mươi bảy phần trăm). Các tổn thương nêu trên do vật sắc tác động trực tiếp gây nên. Tổn thương mới ngày thứ 3, nạn nhân đang điều trị tại Bệnh viện, chưa đánh giá đầy đủ tổn thương và di chứng. Đề nghị điều trị ổn định, ra viện đến giám định bổ sung.

* Tại kết luận giám định bổ sung số 845/KLTTCT-TTPY ngày 13/9/2024, của Trung tâm pháp y - Sở y tế Q kết luận thương tích của anh Trần Quốc H:

- 02 (hai) vết thương mặt sau cẳng tay trái (sẹo vết thương 1/3 trên mặt sau cẳng tay trái kích thước trung bình, vết mổ mở rộng xuống phía dưới kích thước nhỏ: 02% + 01%; sẹo vết thương 1/3 dưới mặt sau cẳng tay trái kích thước trung bình, vết mổ mở rộng lên phía trên và xuống phía dưới kích thước nhỏ: 02% + 01% + 01%;

- Gãy xương trụ vị trí 1/3 trên và 1/3 dưới đã được phẫu thuật kết hợp xương bằng đinh nội thủy và chỉ thép: 21%;

- Mề đầu trên xương quay: 01%;

- Tổn thương nhánh thần kinh quay trái và trụ trái kèm đứt hoàn toàn khối cơ duỗi, đứt gân duỗi cổ tay trụ, gân duỗi chung các ngón; gân duỗi riêng ngón V; duỗi riêng ngón II; duỗi dài các ngón; duỗi cổ tay quay ngắn: 11% + 11%;

- 02 (hai) vết biến đổi rối loạn sắc tố da 1/3 trên mặt ngoài vai trái: 0,5%;

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 43% (bốn mươi ba phần trăm). Các tổn thương nêu trên do vật sắc tác động trực tiếp gây nên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Phạm Văn Q khai nhận do có mẫu thuẫn từ trước nên bị cáo đã có hành vi dùng kiếm chém vào tay trái anh H gây thương tích 43%.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị hại anh Trần Quốc H có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo thể hiện: Anh và bị cáo Q có mâu thuẫn do anh có mượn của bị cáo 02 cánh cửa sắt nhưng chưa trả nên xảy ra cãi nhau và Q đã dùng kiếm chém 02-03 nhát thì 01 nhát trúng vào phần cẳng tay trái của anh gây thương tích 43%.

Giai đoạn chuẩn bị xét xử anh Trần Quốc H giao nộp đơn đề nghị bổ sung yêu cầu bồi thường cùng các tài liệu chứng cứ liên quan.

Về phần bồi thường anh H yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

Về phần hình phạt: Anh H đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại anh Trần Quốc H yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Tuy nhiên tại giai đoạn chuẩn bị xét xử anh H có đơn đề nghị sửa đổi bổ sung yêu cầu bồi thường với tổng số tiền là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng), cụ thể các khoản như sau:

- Tiền mất thu nhập do phải nằm viện và điều trị là 03 tháng = 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

- Tiền chi phí, khám chữa bệnh tại Bệnh viện V - T và Bệnh viện Việt Đức (Hà Nội) = 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

- Tiền xe cộ từ Bệnh viện M (M) đến Bệnh viện V -T và từ Bệnh viện V - T đến Bệnh viện V = 5.000.000đ (năm triệu đồng).

- Tiền công của một người chăm sóc trong 12 ngày nằm viện, mỗi ngày 200.000đ = 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Tiền đi rút dính ở Bệnh viện Đại học y Hà Nội = 3.000.000đ (ba triệu đồng).
- Bệnh viện Đại học y Hà Nội hẹn đến khoảng tháng 12.2024 tiếp tục đến khám điều trị, chi phí khoảng 8.600.000đ (tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

* Tại Bản cáo trạng số: 2269/CT-VKSĐT, ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Q, truy tố bị cáo Phạm Văn Q về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134) của Bộ luật Hình sự.

* Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm luận tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Phạm Văn Q phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Q từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/7/2024.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 590 Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại tại phiên tòa về thỏa thuận tổng số tiền bồi thường là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

* Về vật chứng: 01 (một) thanh kiếm dài 87,5cm, rộng 4,5cm, lưỡi kiếm làm bằng kim loại dài 64,8cm, rộng 4,5cm loại một lưỡi sắc, đầu vát nhọn, phần cán làm bằng gỗ màu nâu vàng dài 22,7cm, đường kính 3,8cm, hai đầu có gắn đai bằng kim loại tối màu và 01 (một) vỏ bao kiếm bằng gỗ màu vàng, kích thước (71x6)cm, là công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

* Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải Q theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo và bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét lời khai của bị cáo Phạm Văn Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của bị hại anh Trần Quốc H và những người làm chứng chị Nguyễn Thị Thanh T, ông Phan Tiến D và anh Nguyễn Văn P, với sơ đồ hiện trường lập hồi 22 giờ 30 phút ngày 20/7/2024 và hồi 10 giờ 10 phút ngày 10/10/2024 tại khu V, phường M, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Q, bản ảnh hiện trường, bản ảnh thực

nghiệm điều tra, Kết luận giám định số: 656/22/KLTTCT-TTPY ngày 22/7/2024 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Q, Kết luận giám định số 1333/KL-KTHS ngày 26/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q, Kết luận giám định bổ sung số 845/KLTTCT-TTPY ngày 13/9/2024 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh Q, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đủ cơ sở khẳng định: khoảng 20 giờ ngày 20/7/2024, tại nhà anh Trần Quốc H ở tổ 2, khu V, phường M, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Q, do mẩu thuẫn trong sinh hoạt, Phạm Văn Q đã dùng kiếm chém trúng tay trái anh H, làm anh H bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ 43% (*bốn mươi ba phần trăm*).

[3] Từ những chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận hành vi của Phạm Văn Q đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Q đã quy kết đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

a, Dùng... hung khí nguy hiểm;

...

3) Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm;

...

a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này....”

Bị cáo Phạm Văn Q là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc gây thương tích, gây tổn hại sức khỏe của người khác là trái pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác, hành vi của bị cáo gây mất an ninh trật tự và gây dư luận xấu tại địa phương. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã từng 02 lần bị Tòa án xử phạt hình phạt tù về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo đã ra đầu thú tạo thuận lợi cho quá trình điều tra vụ án, nên cần thiết cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Xét các liệu chứng cứ bị hại anh Trần Quốc H giao nộp bổ sung tại giai đoạn

chuẩn bị xét xử là hợp pháp nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Trần Quốc H yêu cầu bị cáo bồi thường với tổng số tiền là 110.000.000đ. Tại phiên tòa bị cáo và bị hại thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường mà bị hại đã yêu cầu.

Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là tự nguyện, không vi phạm đạo đức xã hội, không trái pháp luật, do đó cần ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại.

[7] Về vật chứng: 01 (một) thanh kiếm dài 87,5cm, rộng 4,5cm, lưỡi kiếm làm bằng kim loại dài 64,8cm, rộng 4,5cm loại một lưỡi sắc, đầu vát nhọn, phần cán làm bằng gỗ màu nâu vàng dài 22,7cm, đường kính 3,8cm, hai đầu có gắn đai bằng kim loại tối màu và 01 (một) vỏ bao kiếm bằng gỗ màu vàng, kích thước (71x6)cm, là công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

Q ĐỊNH:

Căn cứ: điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm a, c khoản 2 Điều 106; Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 8 Điều 26 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Q 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/7/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự;

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Phạm Văn Q với bị hại anh Trần Quốc H như sau: Bị cáo Phạm Văn Q đồng ý bồi thường các khoản chi phí do hành vi của bị cáo gây ra cho bị hại anh Trần Quốc H với số tiền là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng).

4. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) thanh kiếm dài 87,5cm, rộng 4,5cm, lưỡi kiếm làm bằng kim loại dài 64,8cm, rộng 4,5cm loại một lưỡi sắc, đầu vát nhọn, phần cán làm bằng gỗ màu nâu vàng dài 22,7cm, đường kính 3,8cm, hai đầu có gắn đai bằng kim loại tối màu và 01 (một) vỏ bao kiếm bằng gỗ màu vàng, kích thước (71x6)cm.

[Các vật chứng nêu trên thể hiện trong Biên bản giao nhận vật chứng số 14 ngày 17/10/2024, giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã Đ (nay là thành phố Đ) và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đ (nay là thành phố Đ).]

5. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn Q phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng), án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Q;
- Sở Tư pháp tỉnh Q;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Đ;
- VKSND thành phố Đ;
- Cơ quan THAHS CA TP. Đ;
- Cơ quan CSĐT CA TP. Đ;
- Bị cáo, Bị hại;
- Chi cục THADS TP. Đ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tuấn Anh